

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST.
Ngày: 01 - 8 - 2025.
V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Xuân Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 805/2025/QĐST-DS ngày 03/6/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: A N, phường B, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên hệ: Ấp A, xã A (xã T, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Võ Lê Nhật M, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Tổ B, khu C, xã L (thị trấn L, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

(Anh Trương Minh Đ đại diện của nguyên đơn có mặt; bị đơn anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay trình bày:

Vào ngày 20/5/2019, anh Võ Lê Nhật M có ký hợp đồng cầm cố tài sản số LTM190501003NA17X và Giấy mượn xe, cụ thể:

- Tài sản cầm cố là:
 - + 01 xe mô tô hai bánh BKS 60G1-932.19.
 - + Loại xe Yamaha – Sirius màu xanh bạc.
 - + Số khung RLCUE3210HY122673 - số máy E3X9E287277.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký xe số 036573 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 03/11/2017 cho anh Võ Lê Nhật M.
- Số tiền cầm cố là 6.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu đồng). Mục đích giải ngân: vay tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.
- Thời hạn cầm cố: 06 tháng, từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/11/2019.
- Lãi suất cầm cố: 1,1% số tiền cầm cố/tháng.
- Phí quản lý hồ sơ: 1,9% số tiền cầm cố/tháng.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn, tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- Phí tắt toàn hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán.
- Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.
- Phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 60.000 đồng/tháng. Trường hợp anh M thanh toán đúng hạn là 0 đồng/tháng.

Công ty S1 đã tiến hành giải ngân cho anh Võ Lê Nhật M số tiền 6.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết. Do nhu cầu cần phương tiện để phục vụ công việc, Công ty S1 và anh Võ Lê Nhật M có thỏa thuận anh Võ Lê Nhật M sẽ mượn lại tài sản theo Giấy mượn xe, thời gian mượn tài sản từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/6/2019.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, anh Võ Lê Nhật M đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 20/10/2019. Đến nay đã quá hạn hợp đồng. Tạm tính đến ngày 01/8/2025, anh Võ Lê Nhật M đã thanh toán cho công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tổng cộng là 4.463.531.01 đồng, trong đó, số tiền gốc là 3.880.669.66 đồng, tiền lãi là 201.545.79 đồng, tiền phí là 381.315.55 đồng. Tạm tính đến ngày -01/8/2025, anh Võ Lê Nhật M còn nợ Công ty S1 số tiền là 4.695.144 đồng đồng.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Võ Lê Nhật M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền: 4.581.144 đồng tính đến ngày 01/8/2025 bao gồm:

- Nợ gốc còn lại tính đến 01/8/2025: 2.119.330 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 2.461.814 đồng.

Ngoài ra kể từ ngày 02/8/2025, anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Lê Nhật M không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 – Đồng Nai:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về việc giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc anh Võ Lê Nhật M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 4.581.144 đồng tính đến ngày 01/8/2025 bao gồm: Nợ gốc còn lại tính đến 01/8/2025: 2.119.330 đồng; T lãi quá hạn: 2.461.814 đồng.

Ngoài ra anh Võ Lê Nhật M còn phải tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 02/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về phía bị đơn, anh Võ Lê Nhật M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và được triệu tập đến Tòa án làm việc, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc buộc anh Võ Lê Nhật M thanh toán cho số tiền 4.581.144 đồng tính đến ngày 01/8/2025 bao gồm: Nợ gốc còn lại tính đến 01/8/2025: 2.119.330 đồng; T lãi quá hạn: 2.461.814 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 02/8/2025, anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Võ Lê Nhật M đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định Công ty cổ phần S Có Ngay là nguyên đơn. Anh Võ Lê Nhật M là bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Võ Lê Nhật M thanh toán nợ cho Công ty theo hợp đồng cầm cố, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại xã L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét việc Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu anh M thanh toán nợ cho Công ty là có căn cứ chấp nhận, bởi vì: Căn cứ Hợp đồng cầm cố tài sản số LTM190501003NA17X ngày 20/5/2019 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với anh Võ Lê Nhật M là có thật. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 309, 310 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng. Quá trình thực hiện thỏa thuận, anh M đã thanh toán cho công ty T1 4.463.531 đồng. Kể từ ngày 20/10/2019 cho đến nay anh M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Công ty đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để trả nợ nhưng anh M vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 01/8/2025 anh M còn nợ 4.581.144 bao gồm: Nợ gốc còn lại tính đến 01/8/2025: 2.119.330 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.461.814 đồng. Ngoài ra Kể từ ngày 02/8/2025, anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố là phù hợp với hợp đồng cầm cố hai bên đã ký kết nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh M phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 309, 310, 311, 312, 314, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn anh Võ Lê Nhật M.

Buộc anh Võ Lê Nhật M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 4.581.144 đồng (bốn triệu năm trăm tám mươi một ngàn một trăm bốn bốn đồng), bao gồm: Nợ gốc còn lại tính đến 01/8/2025: 2.119.330 đồng, nợ lãi: 2.461.814 đồng.

Kể từ ngày 02/8/2025, anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Lê Nhật M phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014794 ngày 13/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ba Phạm Văn H

Trần Thị Thanh H1

